TU TƯỜNG NGUYỄN CÔNG TRÚ QUA ĐỀ TÀI VỊNH SỬ

Nguyễn Cảnh Chương^{a*}^aKhoa Ngữ văn và Văn hóa học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 24 tháng 01 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 10 năm 2017 | Chấp nhận đăng ngày 02 tháng 11 năm 2017

Tóm tắt

Nguyễn Công Trứ (1778-1858) là nhà Nho kinh luân gồm tài, một nhà thơ, một danh nhân văn hóa lớn của Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Thân thế, sự nghiệp, đặc biệt là tư tưởng văn chương phức tạp, đa dạng của ông là nguồn gốc của những nhận định, đánh giá không đồng thuận, thậm chí trái ngược nhau, đến nay vẫn còn mang tính thời sự trong giới học thuật và những người quan tâm. Trong quá trình nghiên cứu thơ văn Nguyễn Công Trứ, chúng tôi nhận thấy một đề tài chưa được các nhà nghiên cứu đề cập đến, đó là đề tài vịnh sử. Bài viết tập trung nghiên cứu tư tưởng thơ Nguyễn Công Trứ qua đề tài vịnh sử này.

Từ khóa: Nguyễn Công Trứ; Tư tưởng; Đề tài vịnh sử; Ảnh hưởng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguyễn Công Trứ (1778-1858) là một nhà thơ lớn của Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Thân thế, sự nghiệp, đặc biệt là tư tưởng văn chương phức tạp, đa dạng của ông là nguồn gốc của những nhận định, đánh giá không đồng thuận, thậm chí trái ngược nhau, đến nay vẫn còn mang tính thời sự trong giới học thuật và những người quan tâm. Tìm hiểu thơ văn Nguyễn Công Trứ, một điểm dễ nhận thấy là số lượng không đồ sộ nhưng đa dạng về nội dung chủ đề (NXB. Thế Giới, 2004). Nhà nghiên cứu Hà (1994) chia thơ văn Nguyễn Công Trứ thành năm loại: a) Những bài nói về cảnh nghèo; b) Những bài ca tụng chí nam nhi; c) Những bài vịnh cảnh nhân và bàn về sự hành lạc; d) Những bài vịnh nhân tình thế thái; e) Những bài thơ tình cảm (vịnh chữ tình, cảnh ly biệt, tả cảnh bốn mùa v.v...) (Hà, 1994, tr. 580). Học giả Trương (1993) và Nguyễn (2007) thì phân loại thơ văn của Nguyễn Công Trứ theo thời gian, thành ba phần như là ba nội dung chính: I. Bạch diện thư sinh; II. Hoạn hải ba đào; III. Ngoài vòng cương tỏa. Trong công trình *Nguyễn Công Trứ - Tác giả - Tác phẩm - Giai thoại*, tác giả Nguyễn (2002) đã kế thừa

*Tác giả liên hệ: Email: chuonngc@dlu.edu.vn

cách phân loại thơ văn Nguyễn Công Trứ của học giả Trương (1993) và chia ra ba phần: I. *Thiên địa sinh ngô nguyên hữu ý*; II. *Ra trường danh lợi vinh liền nhục*; III. *Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo*. Nhà nghiên cứu Nguyễn (1999, tr. 497) cho rằng nội dung thơ văn Nguyễn Công Trứ tập trung vào ba chủ đề chính: 1. *Những bài thơ xoay quanh chí nam nhi*; 2. *Những bài thơ xoay quanh cảnh nghèo và thế thái nhân tình*; 3. *Những bài thơ xoay quanh triết lý hưởng lạc*. Các tác giả *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam* cũng chia thơ văn Nguyễn Công Trứ theo ba nội dung chủ yếu: 2.1. *Chí nam nhi*; 2.2. *Triết lý cầu nhân, hưởng lạc*; 2.3. *Cảnh nghèo và nhân tình thế thái* (Nguyễn, 2007, tr. 236). Gần đây các tác giả khoa Ngữ văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, do Lã và Vũ (2016, tr. 271) đã bổ sung thêm nội dung *Tài và Tình* trong thơ Nguyễn Công Trứ.

Trong quá trình nghiên cứu thơ văn Nguyễn Công Trứ, chúng tôi nhận thấy một đề tài hầu như chưa được các nhà nghiên cứu đề cập đến, đó là đề tài vịnh sử. Có thể trong thơ văn Nguyễn Công Trứ các đề tài chí nam nhi, cầu nhân hưởng lạc, cái nghèo, nhân tình thế thái... được ông viết nhiều và quá xuất sắc, còn đề tài vịnh sử chỉ có tám bài lại vịnh toàn nhân vật và văn chương Trung Quốc nên người ta không chú ý chăng? Thực ra thì tám bài *Vịnh Di Tề*, *Vịnh Khuất Nguyên*, *Vịnh Hàn Tín*, *Vịnh Trương Lưu Hầu (I)*, *Vịnh Trương Lưu Hầu (II)*, *Vịnh Trần Đoàn*, *Vịnh Tiền Xích Bích*, *Vịnh Hậu Xích Bích* có quan hệ về tư tưởng nghệ thuật thể hiện thái độ, lập trường Nguyễn Công Trứ đối với vấn đề lễ sống, xuất xứ của của kẻ sĩ. Phần dưới đây, chúng tôi xin trình bày ý kiến của mình (để mọi người tham khảo).

2. TƯ TƯỞNG NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN CÔNG TRỨ QUA CÁC BÀI THƠ VỊNH SỬ

Các nhà biên soạn thơ văn Nguyễn Công Trứ đều thống nhất đặt các bài thơ vịnh sử nói trên liên nhau và xếp vào giai đoạn Nguyễn Công Trứ đã xuất chính, có lẽ vì họ nhận thấy những bài thơ ấy có quan hệ về tư tưởng nghệ thuật.

Bài *Vịnh Di Tề*. Bá Di và Thúc Tề nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc vì sự trung thành với nhà Thương, dù triều đại này đã rất thối nát và bị nhà Chu tiêu diệt. Hai ông là hai anh em con vua Á Vi nước Cô Trúc, một “quốc” chư hầu nhà Thương. Lúc vua Á Vi lâm chung truyền ngôi cho Thúc Tề, nhưng Thúc Tề lại nhường ngôi cho anh là Bá Di.

Bá Di không nhận vì như thế là làm trái lời cha dặn. Hai anh em chẳng ai chịu lên ngôi báu, cùng bỏ lên núi ở ẩn. Người trong nước vì lẽ nước không thể một ngày không vua nên đã lập Á Bằng, là em của Bá Di và anh của Thúc Tề, lên ngôi vua. Lúc Võ vương khởi binh chư hầu diệt Trụ thì Di, Tề ra giữ lấy cương ngựa không cho đi, vì cho đánh vua là lỗi đạo. Sau khi nhà Thương bị nhà Chu tiêu diệt, hai người Di, Tề kiên quyết không chịu làm tôi nhà Chu, họ ở trên đất đã thuộc về nhà Chu nhưng thà ăn rau vì thay cơm chứ không thêm ăn “thóc nhà Chu”, cuối cùng hai người chết đói trên núi Thù Dương. Đời sau thường dùng điển tích Di Tề để nói về khí tiết của di thần ở ẩn, chẳng màng danh lợi của tân triều. Ở bài thơ này Nguyễn Công Trứ cũng ca ngợi Bá Di, Thúc Tề theo tinh thần đó:

*Danh chẳng ham mà lợi chẳng mê,
 Ấy gan hay sắt hỡi Di, Tề.
 Gặp xe vua Võ, tay giăng lại,
 Thấy thóc nhà Chu, mặt ngoảnh đi.
 Cô Trúc hồn về, mây ngụt ngụt,
 Thù Dương danh để, đá tri tri.
 Cầu nhân ắt được nhân mà chớ,
 Chẳng trách ai chi, chẳng oán chi.*

Tinh thần ngợi ca Di Tề ngay từ hai câu đề của bài thơ đã thể hiện rất rõ:

*Danh chẳng ham mà lợi chẳng mê,
 Ấy gan hay sắt hỡi Di, Tề.*

Hai câu thơ cuối lấy lại ý của Khổng Tử nói với Tử Cống: “Nhu ông Di ông Tề là cầu đạo nhân mà được đạo nhân, dầu chết nhưng thế là thỏa chí, chẳng còn oán thán gì” (*Thuật nhi, Luận ngữ*) cho thấy Nguyễn Công Trứ đã đứng trên lập trường tư tưởng của một nhà Nho để ca ngợi Bá Di, Thúc Tề.

Bài *Vịnh Khuất Nguyên*. Khuất Nguyên là danh sĩ, nhà ái quốc, người nước Sở đời Chiến Quốc, làm đến chức Tam lư đại phu, bị bọn nịnh thần dèm pha nên Sở Hoài vương không nghe lời ông can gián. Thấy nước nguy, dân khổ, ông đau xót làm thơ *Ly*

tao tỏ chí khí, cuối cùng ôm mối cô trung nhảy xuống sông Mịch La trầm mình. Bài *Vịnh Khuất Nguyên* chứa chan niềm xót thương của nhà thơ Việt Nam đời sau đối với con người tài hoa, trong sạch mà phải sống giữa thời buổi cuộc đời mê đục. Bài thơ làm theo thể hát nói, bốn câu đầu bài phác họa lại nỗi dằn vặt của Khuất Nguyên:

*Thế nhân giai túy nhi giai trọc,
Duy ngã độc tỉnh nhi độc thanh.
Thuở hôn hôn ai tỏ dạ trung thành,
Còn nấn ná nữa chi cho bận!*

Người đời đều say, cả quan trường chỉ biết vụ danh lợi bản thân mà nhắm mắt a tòng chiều chuộng lòng vua, nếu có ai vì nước vì dân dẫu lời ngay can gián thì lại dèm pha ngăn cản. Duy một mình tỉnh thì làm được gì! Một tấm đan tâm “ai Sở”, “ai Sính” nhưng vua đã ruồng rẫy thì sao vẫn còn bận lòng cho đau khổ, chi bằng ôm mối cô trung trầm xuống Mịch La. Niềm phẫn uất của Khuất Nguyên chỉ có thể đem hỏi trời chứ nhân thế chẳng có kẻ nào chịu lắng tai nghe. Người tỉnh cả triều chỉ còn có một, ông đi rồi thì cả nước trống không, còn lại rất bọn người “túy” và “trọc”. Nước sông Mịch La “đục đục trong trong” thì vô tình nhưng đèn thấp sáng thâu đêm mong sẽ soi tỏ nỗi lòng người thiên cổ:

*Cô phần khí thành thiên khả vấn,
Độc tỉnh nhân khứ quốc cơ không.
Dòng Mịch La dù đục đục trong trong,
Đèn bất dạ hãy soi người thiên cổ.*

Bài thơ kết thúc trong một niềm cảm khái mang mang:

*Bát ngát buổi giang thiên đục mội.
Tiếng ngư ca còn đồng vọng đâu đây.
Nghĩ tình ai cũng xót vầy.*

Người xưa đã khuất bóng nhưng chuyện về người xưa thì vẫn lưu truyền và đồng vọng qua tiếng ca ngư phủ. Người đời sau nghĩ đến tình người xưa mà vẫn thấy xót xa!

Vịnh Khuất Nguyên không phải được viết bởi cảm hứng hoài cổ, nhưng mượn vịnh người xưa để đánh giá và gửi gắm suy tư của người nay. Nhà Nho vẫn làm thơ vịnh sử như thế và Nguyễn Công Trứ làm bài thơ này cũng theo truyền thống ấy.

Bài *Vịnh Hàn Tín*. Hàn Tín là một danh tướng có công rất lớn giúp Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ, lập nên nhà Hán kéo dài 400 năm. Sử gia Tư Mã Thiên kể lại lời mưu sĩ Khoái Thông đánh giá tài năng và công lao Hàn Tín như sau: “Tôi xin nói về công lao và mưu lược của túc hạ (tức Hàn Tín). Túc hạ vượt Tây Hà, cầm tù Ngụy vương, bắt Hạ Duyệt, đem quân xuống Tĩnh Hình, giết Thành An Quân, chiêu hàng đất Triệu, uy hiếp đất Yên, bình định đất Tề, sang đất Nam đánh gãy hai mươi vạn quân Sở, sang Đông giết Long Thụ, quay về Tây để báo công. Như thế có thể nói công ấy không có hai ở trong thiên hạ mà mưu lược ấy không phải đời nào cũng có” (Tư, 2001, tr. 634). Hàn Tín là một danh tướng có biệt tài cầm quân. Tên tuổi của ông gắn liền với những trận đánh nổi tiếng, được hậu thế nhắc đến như những mẫu mực về nghệ thuật quân sự. Trong tương quan Hán – Sở tranh hùng, Hàn Tín là người quyết định cán cân nghiêng về phía nào. Nguyễn Công Trứ không ngần ngại khẳng định tài năng và công lao phò Hán của Hàn Tín ngay từ đầu bài thơ:

*So tam kiệt ai bằng Hàn Tín,
Một tay thu muôn dặm nước non.*

Về sau, khi nhà Hán bá chủ thiên hạ thì Hàn Tín và một số công thần khai quốc bị sát hại. Cái chết của Hàn Tín là một nghi án lịch sử, khiến người đời sau nuối tiếc. Theo một số nhà nghiên cứu, triều đình kết tội ông đồng mưu với Trần Hy làm phản, nhưng thực ra đó là sự vu cáo. Sở dĩ Hán Cao tổ tước quyền ông, Lã Hậu vu hãm ông vì e ngại tài năng, công lao của ông quá lớn. Hàn Tín là người thực sự trung thành với Lưu Bang, bởi Lưu Bang đã trọng dụng ông thưở ông còn hàn vi, thất thế bên chính quyền Hạng Vũ. Lúc Hàn Tín diệt Tề, thiên hạ 7 nước thì 6 đã theo Hán, Hạng Vũ cô thế đã sai thuyết khách đến dụ ông phản Hán nhưng ông cương quyết không nghe. Mưu sĩ của Hàn Tín là Khoái Thông nhân đó khuyên ông phản Hán để chia ba thiên hạ, nhưng ông cũng không nỡ. Thiết nghĩ, khi nắm hàng chục vạn binh hùng tướng mạnh trong tay, Hàn Tín đã không hề có ý làm phản, vậy thì nói rằng ông định tập hợp vài trăm nô tỳ mà làm phản,

như trong lời kể lại của Tư Mã Thiên (Tư, 2001, tr. 639), quả là sự vu cáo vụng về. Hàn Tín là nhà cầm quân lão luyện, không thể hồ đồ làm một việc ngớ ngẩn để rước cái chết vào mình như vậy. Vả lại, nếu ông đã có ý làm phản thì sẽ không khinh thị theo Tiêu Hà vào cung để cho Lã hậu bắt chém. Có thể chính vì hiểu như thế nên Nguyễn Công Trứ đã xót thương cho Hàn Tín:

*Đau đón thay điều tận cung tàng,
Đâm Vân Mộng phải mắc mưu con trẻ.*

Từ cách hiểu đó, Nguyễn Công Trứ vừa nuối tiếc vừa trách Hàn Tín đã không biết “khả hành khả chí”, không biết học theo gương Phạm Lãi:

*Nếu biết chữ “khả hành khả chí”
Thời Ngũ hồ một lá cho xong!
Làm chi lúng túng trong vòng.*

Hai bài *Vịnh Trương Lưu Hầu*. Nguyễn Công Trứ nửa xót thương nửa trách Hàn Tín, nhưng đối với Trương Lương ông lại hết lời ca ngợi. Trương Lương, tự Tử Phòng, người nước Hàn, tổ tiên năm đời làm tướng nước Hàn. Khi Tần Thủy Hoàng giết vua Hàn, Trương Lương uất hận tìm cách báo thù, thuê hiệp sĩ ám sát Tần Thủy Hoàng nhưng không thành nên phải trốn tránh. Về sau ông được tiên ông Hoàng Thạch Công cho bộ sách *Thái Công binh pháp*, ra làm mưu sĩ cho Lưu Bang. Ông cùng với Hàn Tín và Tiêu Hà là tam kiệt giúp Lưu Bang lập nên đại nghiệp nhà Hán. Khi Lưu Bang lên ngôi, Trương Lương đã thác bệnh xin theo Thác Tùng Tử học đạo tiên, không chịu làm quan, do đó tránh được cái họa “điều tận cung tàng” mà Tiêu Hà, Hàn Tín phải chịu. Nguyễn Công Trứ ca ngợi Trương Lương:

*Trong năm năm gây một mối giang san,
Đền nợ trước ơn sau đều vẹn xóng.
Trường phú quý xem bằng mây mỏng,
Túi Xích Tùng riêng đứng đỉnh mái thanh sơn.
Nhục vinh gác chuyện Tiêu, Hàn.*

Nguyễn Công Trứ viết liền đến hai bài vịnh Trương Lương và cả hai bài đều cùng một cảm hứng ngợi ca, vừa ngợi ca sự nghiệp công danh vừa ngợi ca cái “khả hành khả chí”, cảnh thung dung tự tại của Trương Lưu Hầu:

*Năm năm ba tác lưỡi kinh luân,
Màn thao lược vây Tần nhót Hạng.
On Hán vẹn nợ Hàn chẳng vương,
Túi vương hầu treo gười gánh Hoàng Công.
Một mình lui tới thung dung.*

Nguyễn Công Trứ thương tiếc cho Hàn Tín vì cảm phục tài năng kiệt xuất của Hàn Tín, nhưng cũng vì có sự cảm phục ấy mới trách Hàn Tín không biết khả hành khả chí, bị danh lợi níu chân đến nỗi phải chết một cách oan khuất. Nguyễn Công Trứ ca ngợi Trương Lương biết “làm lúc nên làm” là để không uổng phí cái tài trời đã phó cho đáng nam nhi, “thời lúc nên thôi” là thức ngộ danh lợi chỉ như áng phù vân chẳng sánh được với cái tự do nhàn dật. Nếu đem đặt các bài thơ *Vịnh Hàn Tín* và *Vịnh Trương Lưu Hầu* cạnh nhau thì càng nổi bật cái ý chê Hàn Tín mà ngợi ca Trương Lương, điều đó thể hiện một logic trong tư tưởng Nguyễn Công Trứ, là: Trai tài thì phải lập sự nghiệp lẫy lừng để không uổng phí đã có mặt trên đời, nhưng quá tham luyến công danh thì đó sẽ là nguồn gốc tai họa, chẳng bằng thoát vòng danh lợi sống nhàn dật mới thật không uổng kiếp nhân sinh. Ở các bài thơ trên, cách nhìn của Nguyễn Công Trứ khi trách Hàn Tín và tán thưởng Trương Lương không thuần lập trường Nho gia nữa, mà đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão – Trang.

Bài *Vịnh Trần Đoàn* là bài thơ vịnh sử mà ở đó cảm hứng ngợi ca đã hoàn toàn mang sắc thái tư tưởng Lão - Trang:

*Sườn non bầu rượu túi thơ
Thảnh thơi ngồi gẫm cuộc cờ Trường An
Vạc Hậu Chu vừa khi mới đổi,
Trần Hy Di lên ản núi Hoa Sơn.
Mấy mươi năm trong cuộc buồn than,
Lửa văn võ chưa rứt lò đan tảo.*

*Hà vật lão ầu,
 Nặng trên vai hai chúa thái bình.
 Liếc trông chừng Tống nhật đã khai minh,
 Mây Thúc Quý hắt từ rày trong leo lẻo.
 Trần Kiều mộng lí giang sơn tiếu,
 Vân Quán xuân thâm nhật nguyệt trường.
 Rượu một bầu, thơ một túi, cờ một cuộc, cầm một xoang,
 Khi đắc ý gật trên lừa cười ra rả.
 Ngoài cung kiếm mặc ai xa mã,
 Tri trần bất đáo thử giang san.
 Trời riêng cho một cuộc nhân.*

Trần Đoàn được truyền tụng như là một “thế ngoại cao nhân” người đời Hậu Chu, sống khoảng giai đoạn quá độ từ nhà Đường chuyển sang nhà Tống. Ông lớn lên giữa lúc nhiễu nhương binh lửa, chán ghét cảnh giết chóc loạn lạc nên lánh đời lên núi Hoa Sơn làm đạo sĩ. Sau khi học đạo nắm được lẽ huyền vi của đạo trời, ông bèn đi đây đó để tìm anh hùng và chân chúa. Một lần gặp người đàn bà chạy loạn gánh hai đứa trẻ, ông hỏi: “Hà vật lão ầu?” (Này bà gánh chi vậy?). Người đàn bà mở nắp thúng cho Trần Đoàn coi rồi thở dài nói: “Tôi dẫn hai con tôi đi chạy loạn đây”. Vừa nhắc trông thấy hai đứa nhỏ, Trần Đoàn đã kêu lên: “Một vai bà mà gánh những hai vị thiên tử sao!”. Lòng ông vui mừng khôn xiết, vì thiên hạ sắp hưởng đời thái bình nên mới có hai vị chân chúa anh hùng xuất thế. Trần Đoàn liền lấy trong bọc ra mười lạng bạc đưa biếu người đàn bà không quen biết rồi lên lưng lừa đi thẳng. Hai đứa trẻ ấy chính là Triệu Khuông Dẫn và Triệu Khuông Nghĩa sau này đã tạo nên vụ binh biến Trần Kiều đánh dẹp các phương, hoàn thành đại nghiệp thống nhất Trung Nguyên, lập nên nhà Tống. Khi nghe tin Triệu Khuông Dẫn trở thành Thái tổ khai cơ nhà Tống thì Trần Đoàn đang ngồi trên lưng lừa ngửa mặt cười ra rả nói: “Thiên hạ thái bình rồi”. Về sau, Tống Thái Tông - tức Triệu Khuông Nghĩa, có cho người vời Trần Đoàn ra làm quan nhưng ông từ chối, bỏ vào núi đi mất không ai biết ở đâu. Đời ca tụng Trần Đoàn vì ông là người học thức uyên thâm, có tài tiên tri thế cuộc và nhân sự nhưng tính tình khiêm tốn, không màng danh lợi, đáng làm gương cho hậu thế noi theo. Phẩm cách ấy của Trần Đoàn đã trở thành niềm cảm

hứng cho Nguyễn Công Trứ ngợi ca. Câu thơ lục bát mở đầu với vần bằng cùng âm điệu nhịp nhàng dần trải đã khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc tới một không gian khoáng đạt, thanh nhàn:

*Sườn non bầu rượu túi thơ
Thanh thoi ngồi gấm cuộc cờ Trường An*

Không một nhắc nhở nào tới tính danh nhân vật nhưng qua cách miêu tả của nhà thơ người đọc vẫn tưởng nhận ra một thế ngoại cao nhân chẳng vướng bận thói tục, chỉ xem sự thay triều đổi đại như thắng thua trên bàn cờ, nên thanh thoi bên sườn non, mặc sức ung dung với bầu rượu túi thơ. Không gian thật thoát tục mà con người cũng thật nhàn lạc. Tiếp theo, bằng một phép so sánh nhà thơ mới hé lộ lai lịch của Trần Đoàn và tỏ lòng ngưỡng mộ:

*Trần Kiều mộng lí giang sơn tiểu,
Vân Quán xuân thâm nhật nguyệt trường.*

Trần Kiều là địa danh nơi Triệu Khuông Dã làm binh biến rồi được tướng sĩ tôn lên làm vua. Từ đây, khi phía trước đang mở ra con đường tiến tới thống nhất Trung Nguyên, thì đất Trần Kiều đã trở nên nhỏ hẹp đối bậc anh hùng. Nhưng Triệu Khuông Dã dần có trở thành Tống Thái tổ khai cơ một triều đại mới, thì giang sơn gấm vóc được ấy cũng rất là nhỏ hẹp chẳng thể so sánh với Vân Quán, nơi ở của đạo sĩ Trần Đoàn. Chỉ có Vân Quán mới bao phủ mùa xuân và ngày tháng dài lâu, bụi trần chẳng bén, con người gác bỏ chuyện đời mà thỏa sức ung dung nhàn lạc:

*Rượu một bầu, thơ một túi, cờ một cuộc, cầm một xoang,
Khi đắc ý gật trên lừa cười ra rả.
Ngoài cung kiếm mặc ai xa mã,
Tri trần bất đáo thử giang san.*

Câu “keo” là nửa câu lục bát kết lại bài hát nói một cách lơ lửng nhưng lại mở ra một niềm thán phục xen lẫn nỗi ước ao:

Trời riêng cho một cuộc nhàn.

Ước ao một cuộc đời như Trần Đoàn, một cảnh sống như Trần Đoàn thì không phải là lí tưởng của một nhà Nho chính thống, mà chỉ có thể là của một đệ tử Lão - Trang!

Nguyễn Công Trứ không chỉ vịnh nhân vật, ông còn lấy cả thơ phú của người xưa liên quan tới lịch sử làm đề tài để vịnh. Đó là trường hợp hai bài *Vịnh Tiền Xích Bích* và *Vịnh Hậu Xích Bích*. Ở hai bài này mạch cảm xúc, tư tưởng nghệ thuật xuyên suốt rõ là tư tưởng Lão – Trang. Mở đầu *Vịnh Tiền Xích Bích* Nguyễn Công Trứ đã nói đến không gian phóng dật bằng cách lấy ý một đoạn trong bài *Tiền Xích Bích phú* của Tô Đông Pha:

*Gió trắng chứa một thuyền đầy,
Của kho vô tận biết ngày nào vơi.*

Nhà thơ hào hứng ngợi ca phong thái lãng tử phóng khoáng của Tô tử - Tô Đông Pha, khi qua chơi Xích Bích:

*Ông Tô tử qua chơi Xích Bích,
Một con thuyền với một túi thơ.
Gió hiu hiu mặt nước như tờ,
Trăng chênh chếch đầu non mới ló.
Thuyền một lá xông ngang ghềnh bạch lộ,
Buông chèo hoa len lõi chốn sơn cương...*

Đang say sưa với cảm xúc phiêu dật được gợi lên từ bài *Tiền Xích Bích phú*, Nguyễn Công Trứ chợt “sực nhớ” tới tích xưa về một con người, mà có lẽ vì con người ấy Xích Bích mới nổi danh trong lịch sử:

Sực nhớ kẻ cầm ngang giáo vịnh câu thơ thuở trước

Người cầm ngang giáo mà vịnh thơ ấy là Tào Tháo, một “gian hùng thời loạn” và cũng là một nhà thơ thời Tam Quốc. Tào Tháo xuất thân từ danh phận con cháu hoạn quan vươn dần thành một đại thần, thế lực uy hiếp thiên tử Hán thất. Ông là hoàng đế không cần ngự sập vàng và là thái tổ sáng lập Ngụy triều. Nói đến thời Tam Quốc là phải nghĩ ngay đến Tào Tháo, nhưng con người lỗi lạc ấy rồi cũng mang bệnh mà chết, cơ

ngiệp phi thường của người ấy cũng đã bị xóa nhòa, thế mới thấy mọi chuyện ở trên đời chỉ mong manh như đám mây nổi, chỉ ngắn ngủi như kiếp phù du:

Nghĩ sự đời thêm cảm nỗi phù du.

Vậy thì tham luyến lắm làm chi những chuyện công danh được mất ở đời. Xưa Tô Đông Pha mượn chuyện Tào Tháo để phô diễn tư tưởng thích thắng của ông, nay Nguyễn Công Trứ cũng mượn lại Tô Tử cái tứ thơ nhân tận tiêu dao ấy để nói rằng cuộc đời mau thay đổi, thế sự trôi đi thấp thoáng, anh hùng hào kiệt cũng chỉ là phù du hư ảo, duy riêng có gió mát trăng thanh của cõi đất trời mang mang kia mới là của kho vô tận, không bao giờ hết:

*Dành hay trời đất dành cho,
Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn.
Còn trời còn nước còn non.*

“Còn trời, còn nước, còn non” cho nên thái độ hợp lý của kẻ sĩ ở đời là biết hưởng thụ cho tận cùng cái thú phong, hoa, tuyết, nguyệt mà “trời đất dành cho” ấy.

Vịnh Tiền Xích Bích chỉ với chuyện người đời trước thì nói chưa hết ý, Nguyễn Công Trứ phải làm thêm bài nữa để nói chuyện Xích Bích với người đời sau cho thỏa. Ở Vịnh Hậu Xích Bích, nhà thơ hào hứng kể lại nội dung bài Hậu Xích Bích phú của Tô Đông Pha:

*Sông Xích Bích vàng trắng vàng vặc,
Thầy Tô tìm thú cũ qua chơi.
Bóng quang âm là đã mấy mươi,
Mà non nước dễ xuôi lòng cảm kích.*

Thuyền xuôi sông Xích Bích dưới ánh trăng vàng vặc, thi nhân xúc cảm ngâm thơ. Ngâm xong thơ, cảm giác đất trời lặng ngắt, chỉ thấy một cánh nhạn qua sông bay ngang trước mũi thuyền:

Thi hành nhất bức thiên sơn lịch,

Cô hạc hoành giang lược tiểu châu.

Đêm về trần trọc, chập chờn nửa mộng nửa tỉnh thấy có một đạo nhân đến trò chuyện. Hỏi danh tính, đạo nhân không trả lời. Lại hỏi: “Chim hạc bay ngang trước thuyền ta mà kêu lên đó, hay là người chăng?” Đạo nhân mỉm cười:

*Suốt năm canh bên gối mơ hồ,
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt.
Tiếng cười nói hỏi tên gì chẳng biết,
Liếc trông ra nào thấy đâu nào?
Ấy người hay hạc xinh sao!*

Trong văn hóa Trung Hoa, đạo sĩ tu tiên sau khi đắc đạo hóa thành hạc bay lên là một mô-típ đẹp và khá phổ biến. Hạc vàng, hạc đen bay đi bay về rất nhiều lần trong thơ của các thi nhân lừng danh. Ở Việt Nam, gần thời với Nguyễn Công Trứ cũng thấy hạc đen trở lại Thăng Long sau hai mươi năm xa cách trong bài *Ngộ gia đệ cừu ca cơ* của thi hào Nguyễn Du. Cái sự mơ hồ của Tô Đông Pha thì chắc chắn là của một đệ tử Đạo giáo, và cái việc nhà thơ Việt Nam Nguyễn Công Trứ làm thơ *Vịnh Hậu Xích Bích* như thế cũng chứng tỏ ông rất hứng thú với chuyện cánh hạc bay ngang mũi thuyền họ Tô, tư tưởng ông thấm nhuần ảnh hưởng giấc mộng Trang Chu hóa bướm của Trang tử sâu đậm lắm rồi!

3. KẾT LUẬN

Từ việc phân tích cụ thể tám bài thơ vịnh sử của Nguyễn Công Trứ như trên, có thể rút ra mấy nhận xét:

- Tùy vào đối tượng được lựa chọn đề vịnh, lập trường của Nguyễn Công Trứ trong việc khen hay chê, xót thương hay hâm mộ tán thưởng, có thể hoặc theo lập trường Nho gia hoặc theo nhãn quan Lão - Trang, hoặc pha tạp cả hai;
- Đối với những nhân vật như Di Tề, Khuất Nguyên cách nhìn của Nguyễn Công Trứ hoàn toàn theo lập trường Nho gia, khẳng định tấm lòng trung son sắt của nhân vật, có xót xa thông cảm với hoàn cảnh và nỗi niềm của nhân

vật thì cũng không hề mang cảm quan Lão – Trang;

- Riêng đối với nhân vật Hàn Tín, khi Nguyễn Công Trứ tán thưởng tài năng của nhân vật thì theo lập trường Nho gia, nhưng khi vừa thương vừa trách nhân vật vì tin vào lời thề của Lưu Bang mà cứ “lúng túng trong vòng” công danh, không biết bắt chước Phạm Lãi bỏ đi ngao du hồ hải hoặc học theo Trương Lương biết “thôi lúc nên thôi” để rút cuộc mang họa, thì lại chuyển sang lập trường Lão - Trang;
- Ở những bài còn lại, *Vịnh Trương Lưu Hầu*, *Vịnh Trần Đoàn* và *Vịnh Tiền Xích Bích*, *Vịnh Hậu Xích Bích* thì tư tưởng Lão – Trang hoàn toàn chi phối cảm quan của tác giả;
- Tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Công Trứ thể hiện xuyên suốt cả tám bài thơ đề tài vịnh sử nói ở trên là: Nhân cách đạo đức của con người là rất quan trọng. Trai tài thì phải lập sự nghiệp lẫy lừng để không uổng phí đã có mặt trên đời, nhưng quá tham luyện công danh thì đó sẽ là nguồn gốc tai họa, chẳng bằng thoát vòng danh lợi sống nhàn dật hưởng thụ trọn vẹn “hai phong nguyệt” mới thật không uổng kiếp nhân sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà, N. C. (1994). *Việt Nam thi văn giảng luận*. Đồng Tháp, Việt Nam: NXB. Tổng hợp Đồng Tháp.
- Trương, C. (1993). *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Văn học.
- NXB. Thế giới (2004). *Từ điển văn học*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Thế giới.
- Nguyễn, C. C. (2015). *Sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho, Lão - Trang đến Nguyễn Công Trứ và sáng tác của ông*. (Luận án tiến sĩ), Viện Văn học, Trường Đại học Sư phạm Hồ Nam, Trung Quốc.
- Nguyễn, Đ. M. (1999). *Thể loại hát nói trong sự vận động của lịch sử văn học*. (Luận án tiến sĩ), Viện Văn học Hà Nội, Việt Nam.
- Nguyễn, Đ. N. (2007). *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam* (Tập 2). Hà Nội, Việt Nam: NXB. Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, L. (1999). *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.

- Nguyễn, V. N. (2002). *Nguyễn Công Trứ - Tác giả, tác phẩm, giai thoại*. TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Trần, N. T. (2007). *Nguyễn Công Trứ về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.
- Tư, M. T. (2001). *Sử ký*. (Phan, N. dịch giả), Hà Nội, Việt Nam: NXB. Văn học.
- Đoàn, T. T. V. (2009). *Văn học trung đại Việt Nam (Thế kỷ X - cuối thế kỷ XIX)*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.
- Lã, N. T. & Vũ, T. Đ. (2016). *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam (Tập 2)*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.

NGUYEN CONG TRU'S THOUGHTS IN YONGSHI POETRY THEMES

Nguyen Canh Chuong^{a*}

^a*The Faculty of Literature and Cultural Studies, Dalat University, Lamdong, Vietnam*

^{*}*Corresponding author: Email: chuongnc@dlu.edu.vn*

Article history

Received: January 24th, 2016

Received in revised form: October 04th, 2017 | Accepted: November 02nd, 2017

Abstract

Nguyen Cong Tru (1778-1858) was brilliant both as a poet and a great personality of Vietnam in the early nineteenth century. His social status, career and especially the complexity and diversity in his thoughts about literature are the origin of contradictory critics and evaluation, which are still a concern to the contemporary academic community and to all those who are interested in those thoughts. Based on the analysis and comparative methods, this article is an attempt to discover Nguyen Cong Tru's thoughts in yongshi poetry themes.

Keywords: Influence; Nguyen Cong Tru; Poetry's themes; Thoughts.